

TRỢ CẤP THÔNG THƯỜNG • Mẫu hướng dẫn về cách điền đơn trong

Mẫu hướng dẫn cách điền đơn. Chỉ điền vào phần bên trong khung

Xin ghi ngày điền đơn này

第1号様式の1

こうこうせいとうしょうがくきゅうふきんじゆきゆうしんせいしよ
高校生等奨学給付金受給申請書

ĐƠN XIN PHỤ CẤP TỪ QUỸ KHUYẾN HỌC DÀNH CHO HỌC SINH KOKO

かながわけんりつ がつこうちよう どの
神奈川県立〇〇学校長 殿

Trường hợp trường học do
tỉnh thành lập

2025年7月15日

こうこうせいとうしょうがくきゅうふきん　じゅきゅう　しんせい
高校生等奨学給付金の受給を申請します。

Làm đơn xin phụ cấp từ Quỹ Khuyến Học Dành Cho Học Sinh Koko

申請者 (保護者等)	ふりがな	かながわ いくお	高校生 等との 関係	☐ 親権者（父） ☒ 親権者（母） ☐ 未成年後見人 ☐ 未成年後見人である里親 ☐ 主たる生計維持者 ☐ 生徒本人 ☐ その他（ ）
	氏名	神奈川 育夫		〒221-0057 日中連絡が取れる電話番号 横浜市神奈川区青木町〇〇-〇〇-〇〇 090 - xxxx - xxxx
申請者 以外の 保護者等	住所	※ 〇時 điểm ngày 1 tháng 1, nếu có địa chỉ ở một thị xã hoặc thôn khác với địa chỉ ghi ở trên, xin cũng ghi vào khung bên phải. 1月1日現在の住所	神奈川県 川崎市 区 村 ☐ Không có địa chỉ trong nước Nhật.	
	ふりがな	かながわ たかこ	高校生 等との 関係 ☐ 親権者（父） ☒ 親権者（母） ☐ 未成年後見人 ☐ 未成年後見人である里親 ☐ その他（ ）	
申請者 以外の 保護者等	氏名	神奈川 高子	1月1日現在の住所 神奈川県 川崎市 区 村 ☐ Không có địa chỉ trong nước Nhật.	
	住所	※ 〇時 điểm ngày 1 tháng 1, nếu có địa chỉ ở một thị xã hoặc thôn khác với địa chỉ ghi ở trên, xin cũng ghi vào khung bên phải.		

- ☐ Người có quyền hợp pháp là cha mẹ (Cha)
- ☐ Người có quyền hợp pháp là cha mẹ (Mẹ)
- ☐ Người chăm sóc trẻ vị thành niên
- ☐ Cha mẹ nuôi và là người chăm sóc trẻ vị thành niên
- ☐ Người lo việc sinh kế chính
- ☐ Bản thân học sinh
- ☐ Ngoài ra ()

Xin ghi số điện thoại của người bảo hộ để có thể liên lạc vào ban ngày

Ghi địa chỉ, tên họ của người bảo hộ (người có quyền hợp pháp là cha mẹ), và đánh dấu vòng tròn vào sự liên hệ với em học sinh. Nếu có người giám hộ khác ngoài người nộp đơn, hãy nhập tên của họ và check vào ô ☐ mối quan hệ với học sinh trung học. Nếu địa chỉ của bạn kể từ ngày 1 tháng 1 khác với địa chỉ hiện tại của bạn trong thành phố, hãy điền vào cột "Địa chỉ tại thời điểm ngày 1 tháng 1".

Ghi tên họ và ngày tháng năm sinh của học sinh

**Ghi về trường học đang
(đã) theo học vào ngày 1
tháng 7 năm 2025.**

Xin ghi vào đây trong trường hợp đã có tên tại một trường Koko v.v... khác ngoài trường ghi ở trên, trước ngày 30 tháng 6 năm 2025.

**Ghi số trường
mục ngân hàng
của người làm
đơn.**

【1】^{たいしょう}対象となる^{こうこうせいとう}高校生等について

【Về học sinh Koko là đối tượng (của Quỹ Khuyến Học)】

ふりがな		かやがわ きょうすけ		せいねん 生年 がっぴ 月日	昭和 21 年 5 月 5 日	
し め い 氏 名		神奈川 京介			平成	
在学する学校	学校の 名称	(国公立)	神奈川県 立		〇〇高等	学校 1 年
		課程	☒ 全日制 ☐ 定時制 ☐ 通信制 ☐ 専攻科			
	在学 期間	令和 7 年 4 月 1 日 ~ 年 月 日				
過去の高等学校等 における在学期間	学校名	年 月 ~ 年 月	課程	在学中に給付金を受給した回数		
	立	年 月 ~ 年 月		なし 1 回 2 回 3 回 4 回 不明 ☐ ☐ ☐ ☐ ☐		
	学校名	年 月 ~ 年 月	課程	在学中に給付金を受給した回数		
	立	年 月 ~ 年 月		なし 1 回 2 回 3 回 4 回 不明 ☐ ☐ ☐ ☐ ☐		

【2】^ふ^こ^さ^き^{こう}^ざ振込先口座

【Số tài khoản ngân hàng nhập vào】

金融機関名	● ●		銀行		信用金庫		▲ ▲		本店		支店		支店コード		お申し込みの 預金		公 普		あふく 貯蓄	
金融機関コード	1	2	3	4	信用組合・農協				本店		支所		0 0 1		種目					
口座番号 口座番号	1	2	3	4	5	6	7	この番号に 口座名義人 の氏名を (申請者)		※カタカナで記入してください カタワ イオ										

県使用欄（入力しないでください。）

Phần dành cho nhà trường sử dụng, xin đừng ghi vào.

